VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình

Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

- Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.[1]

---

[1] Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông;"

Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình."

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép, Báo cáo nghiệp vụ và chế độ báo cáo nghiệp vụ đối với hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.

Điều 2. Biểu mẫu sử dụng trong hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

1. Biểu mẫu áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, thu xem kênh chương trình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam với ký hiệu như quy định tại danh Mục dưới đây:

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 01/DVTHTT[2]
2	Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 02/DVTHTT[3]

[2] Được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[3] Được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
3	Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 03/DVTHTT
4	Giấy Chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 04/DVTHTT
5	Tờ khai đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh Mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 05/DVTHTT[4]
6	Giấy chứng nhận đăng ký danh Mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 06/DVTHTT[5]
7	Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Mẫu số 07/DVTHTT[6]
8	Giấy Chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Mẫu số 08/DVTHTT

[4] Được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[5] Được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[6] Được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
9	Biểu mẫu báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 09/DVTHTT
10	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 09A/DVTHTT[7]
11	Biểu mẫu báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 10/DVTHTT
12	Báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 10A/DVTHTT[8]
13	Lập hồ sơ theo dõi nội dung trên dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng và quảng cáo	Mẫu số 10B/DVTHTT[9]
14	Biểu mẫu báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá	Mẫu số 11/DVTHQB

2. Biểu mẫu áp dụng cho các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình với ký hiệu như quy định tại danh Mục dưới đây:

---

[7] Được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[8] Được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[9] Được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước	Mẫu số 12/SXCT
2	Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước	Mẫu số 13/SXCT[10]
3	Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 14/BTCT
4	Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Mẫu số 15/BTCT[11]
5	Biểu mẫu báo cáo hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình	Mẫu số 16/SXCT
6	Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu.	Mẫu số 16A/SXCT[12]

[10] Được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[11] Được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[12] Được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Điều 3. Đăng tải, in biểu mẫu

1. Các biểu mẫu quy định tại Điều 2 của Thông tư này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại địa chỉ www.abei.gov.vn.

2. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, sản xuất kênh chương trình trong nước và thu xem kênh chương trình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại địa chỉ www.abei.gov.vn để in và sử dụng các biểu mẫu quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

Điều 4. Chế độ báo cáo

1.[13].

2.[14].

3.[15]

4. Ngoài báo cáo định kỳ, trong trường hợp đột xuất, các cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi cơ quan, doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc chi nhánh.

---

[13] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

[14] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

4a.[16] Định kỳ 6 tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 09A/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng đầu năm, chậm nhất là ngày 06 tháng 6 của năm báo cáo và báo cáo hàng năm, chậm nhất là ngày 25 tháng 11 của năm báo cáo.

4b.[17] Định kỳ hàng tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo nhanh hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 10A/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo nhanh, chậm nhất là ngày 15 của tháng báo cáo.

4c.[18] Định kỳ 6 tháng, các cơ quan báo chí được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu có trách nhiệm báo cáo về hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung

---

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[17] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

theo yêu cầu cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 16A/SXCT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng đầu năm, chậm nhất là ngày 06 tháng 6 của năm báo cáo và báo cáo hàng năm, chậm nhất là ngày 25 tháng 11 của năm báo cáo.

4d.[19] Báo cáo nghiệp vụ của các cơ quan, doanh nghiệp gửi bằng một trong các phương thức sau về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: trực tiếp, qua đường bưu chính, trực tuyến trên hệ thống báo cáo tại trang thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

5.[20]

Điều 5. Hiệu lực thi hành[21]

---

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[20] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

[21] Điều 13 của Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023, quy định như sau:

"Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

2. Bãi bỏ các quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các điều, khoản của 19 (mười chín) Thông tư do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành (tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này) kể từ ngày Thông tư có hiệu lực thi hành."

Điều 2 của Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, quy định như sau:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

2. Thông tư số 28/2011/TT-BTTTT ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các mẫu Tờ khai đăng ký, mẫu Đơn đề nghị cấp phép, mẫu Chứng nhận đăng ký và mẫu Giấy phép quy định tại Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 04/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

"Điều 2. Hiệu lực thi hành và các quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trước thời điểm thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo nội dung thời hạn trong Giấy phép, Giấy chứng nhận đã cấp và phải thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này."

Mẫu số 01/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm 20..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tên doanh nghiệp *(viết chữ in hoa)*:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm....*[122]

- *Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng số... do.... cấp ngày.... tháng... năm/Văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông số... giữa... và..., ký ngày.../Giấy chứng nhận đăng ký tên miền.vn số... do... cấp ngày... hoặc địa chỉ Internet xác định.*

- *Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... do.... cấp ngày..... tháng..... năm.... (áp dụng với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung).*

---

[1] Kê khai số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất đang có hiệu lực.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 01/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

2. Đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Loại hình dịch vụ (*đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp***)**

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát tập trung các kênh chương trình:

2.2.1.[2] Địa điểm chính:.....

2.2.2.[3] Địa điểm dự phòng:.....

2.2.3.[4] Các địa điểm trung tâm thu phát chuyển tiếp tại địa phương:.....

---

[2] Kê khai địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật tiếp nhận và xử lý tín hiệu phát thanh, truyền hình trước khi đưa vào mạng truyền dẫn để cung cấp đến thuê bao.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[3] Kê khai tất cả địa điểm dự phòng, là các địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật, có thực hiện việc tiếp nhận và xử lý tín hiệu, đóng vai trò dự phòng cho Trung tâm thu phát chính.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[4] Kê khai các địa điểm đặt thiết bị thu phát, chuyển tiếp tín hiệu từ Trung tâm thu phát chính tới thuê bao trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Mẫu số 01/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

2.3. Thông số về kỹ thuật:

2.3.1. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh (*đối với từng loại dịch vụ*):

.....

2.3.2. Tiêu chuẩn truyền dẫn/phát sóng (*đối với từng loại dịch vụ*):

.....

2.3.3.[5] Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung (*đối với từng loại dịch vụ*):

.....

2.3.4.[6] Tần số phát sóng (*áp dụng với dịch vụ có sử dụng tần số vô tuyến điện*):

.....

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[5] Kê khai đầy đủ các hệ thống kỹ thuật khóa mã để bảo vệ nội dung.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[6] Kê khai tần số vô tuyến điện đối với dịch vụ sử dụng tần số vô tuyến điện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Đối với dịch vụ không sử dụng tần số vô tuyến điện thì ghi "không sử dụng".

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 01/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

2.3.5.[7] Khả năng chèn/thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương (*đối với từng loại dịch vụ*): .....

2.3.6.[8] Các nội dung khác:.....

2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ (*đối với từng loại dịch vụ*)

2.4.1. Phạm vi:.....

2.4.2. Đối tượng:.....

---

[7] Ghi "Có" đối với các dịch vụ có khả năng chèn kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương. Ghi "Không" đối với dịch vụ không tách/ghép kênh tại địa phương hoặc dịch vụ không cung cấp kênh chương trình.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[8] Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, không cung cấp kênh chương trình, kê khai: (1) Độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; (2) Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự; (3) những tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý và ứng dụng Internet (app) phục vụ cung cấp dịch vụ; (4) Số lượng trang thiết bị, tính năng kỹ thuật của từng khối chức năng (xử lý tín hiệu, xác thực, khóa mã, quản lý thuê bao, tính cước, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, lưu trữ, truyền dẫn,...) đáp ứng số lượng và chất lượng nội dung dự kiến cung cấp. Đối với các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình có cung cấp kênh chương trình: Chỉ kê khai độ phân giải hình ảnh và tốc độ tín hiệu hình ảnh; tốc độ tín hiệu âm thanh; Tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 01/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

2.4.3.[9] Phương thức quản lý thuê bao:.....

2.4.4. Chất lượng dịch vụ (*quy trình áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ*):.....

2.4.5.[10] Nội dung thông tin (*dự kiến danh mục nội dung*):.....

2.5. Tài liệu kèm theo[11]:

---

[9] Kê khai về phương thức thu thập và lưu trữ thông tin người sử dụng dịch vụ; những phương tiện thanh toán cước phí thuê bao dịch vụ; quy trình giải quyết khiếu nại và dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên trong cung cấp dịch vụ.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[10] Đối với dịch vụ cung cấp kênh chương trình, kê khai theo nhóm kênh chương trình tại mục 1, Biểu mẫu 05/DVTHTT Thông tư và nội dung theo yêu cầu (nếu có) trong ba nhóm nội dung sau: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí. Đối với dịch vụ chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, kê khai nội dung dự kiến được phân loại theo ba nhóm nội dung: (1) chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; (2) phim; (3) chương trình thể thao, giải trí.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[11] (1) Văn bản xác nhận quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với tên, biểu tượng dịch vụ (logo) và tên, biểu tượng ứng dụng (app) cung cấp dịch vụ; (2) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet: Cung cấp văn bản xác nhận quyền sử dụng tên miền ".vn" hoặc dải địa chỉ IP do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ. (3) Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu: Sơ đồ kỹ thuật hệ thống cung cấp dịch vụ, kèm theo thuyết minh sơ đồ kỹ thuật để làm rõ quá trình cung cấp dịch vụ từ Trung tâm thu phát qua mạng truyền dẫn nội dung đến thuê bao.

Mẫu số 01/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

(1).....

(2).....

2.6. Cam kết

(*Tên doanh nghiệp*) cam kết:

2.6.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các tài liệu kèm theo.

2.6.2. Nếu được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên doanh nghiệp*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng đề nghị cụ thể của doanh nghiệp

---

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 02/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

(Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....)
Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...
Cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do..... cấp ngày... tháng.... năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... ngày.... tháng..... năm..... và hồ sơ bổ sung số... ngày..... tháng.... năm của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,[22]

---

[22] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 02/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

CẤP PHÉP CHO:

Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch:.....

- Tên giao dịch quốc tế:.....

- Tên viết tắt:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- *Email:*.....

- *Website:*.....

- *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số..... do.... cấp ngày.... tháng.... năm.....*

Được cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định sau:

Điều 1. Loại hình dịch vụ

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp (tương tự/kỹ thuật số/giao thức Internet (IPTV))/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Điều 2. Quy định về kỹ thuật

1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:

- Địa điểm chính:.....

- Địa điểm dự phòng:.....

2. Các địa điểm trung tâm thu phát chuyển tiếp tại địa phương:.....

3. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:.....

4. Phương thức truyền dẫn tín hiệu:.....

5. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:.....

6. Tần số phát sóng:.....

7. Khả năng chèn/thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu:.....

8. Quy định khác về kỹ thuật:.....

Mẫu số 02/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

Điều 3. Quy định về cung cấp dịch vụ

1. Phạm vi:.....

2. Đối tượng:.....

3. Phương thức quản lý thuê bao:.....

4. Chất lượng dịch vụ:.....

5. Nội dung thông tin:.....

Điều 4. Quy định khác

Ngoài các quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, (*tên doanh nghiệp*) có trách nhiệm:

1. *Bảo đảm triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam và phạm vi thiết lập hạ tầng mạng viễn thông quy định tại Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng số.... do..... cấp ngày.....t háng..... năm..../Giấy xác nhận tên miền ".vn" hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng cung cấp dịch vụ.*

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Thực hiện công khai niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Nộp đầy đủ và đúng hạn phí quyền cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhập khẩu, phân phối, lắp đặt, vận hành trang thiết bị kỹ thuật phục vụ triển khai giấy phép và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 02/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

8. Cung cấp đường truyền tín hiệu và thiết bị giải mã tới địa điểm theo yêu cầu của cơ quan cấp phép hoặc cung cấp tài khoản sử dụng toàn bộ nội dung trên dịch vụ để phục vụ công tác quản lý.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày..... và thay thế cho...../.

Nơi nhận:
- Tổ chức được cấp phép;
- Lãnh đạo Bộ phụ trách;
- Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);
- .....;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

Mẫu số 03/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN TẠI VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số /	*....., ngày tháng năm 20...*

ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tên đơn vị đề nghị cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):

.....

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số..... do.... cấp ngày.... tháng... năm.....

- Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số..... do.... cấp ngày.... tháng... năm.... (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung)

2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Việt Nam theo các nội dung sau:

2.1. Tên kênh chương trình:.....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

Mẫu số 03/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình *(bao gồm cả tên viết tắt)*:.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:.....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

2.6. Loại kênh chương trình *(Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/.....)*.....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:.....

2.8. Thời gian phát sóng/ngày:.....

2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:.....

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ thông tin nếu điền "khác").....

(Đơn vị) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

Mẫu số 03/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:.....

2.12. Vệ tinh phát:.....

Tên vệ tinh:.....

Vị trí vệ tinh:.....

2.13. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:.....

2.14. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

2.15. Phạm vi được ủy quyền của đại lý theo văn bản ủy quyền: *Là đại lý duy nhất/các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)...*

3. Tài liệu kèm theo:

(1) .....

(2) .....

4. Cam kết

(Tên đại lý được ủy quyền) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (*tên đại lý được ủy quyền*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Mẫu số 03/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, (*tên đại lý được ủy quyền*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong Giấy chứng nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của đại lý được ủy quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 04/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

(Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm....)
Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...
Cấp..... ngày..... tháng..... năm...

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHỨNG NHẬN:

1. Tên đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam: (*viết chữ in hoa*).....

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số..... do.... cấp ngày.... tháng.... năm.....*

2. Chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các nội dung sau:

2.1. Tên kênh chương trình:.....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (*bao gồm cả tên viết tắt*):.....

Mẫu số 03/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình: .....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

2.6. Loại kênh chương trình *(Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Tổng hợp/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...)*:.....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:.....

2.8. Thời gian phát sóng/ngày:.....

2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:.....

2.10. Độ phân giải hình ảnh:.....

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh khác nhau.

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:.....

2.12. Vệ tinh phát:.....

2.13. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:.....

2.14. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Mẫu số 03/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
Ngày 30/6/2016

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp (Công nghệ: Tương tự/Kỹ thuật số/IPTV)/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

2.15. Yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình:

Kênh chương trình phải được biên tập, biên dịch bởi cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình đã được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2.16. Phạm vi được ủy quyền của đại lý: *(Là đại lý duy nhất/các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)...)*

2. Trách nhiệm của đại lý

Đại lý ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại giấy chứng nhận này và thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài *(tên kênh chương trình)* trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... *(hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong văn bản ủy quyền của đơn vị sở hữu kênh chương trình cho đại lý).*

Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận số... ngày... tháng... năm... của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho *(tên đại lý đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài) (tên kênh chương trình)* trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền *(áp dụng đối với đề nghị sửa đổi/bổ sung)./.*

Nơi nhận:
- Tổ chức được cấp chứng nhận;
- .....;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy chứng nhận cụ thể.

Mẫu số 05/DVTHTT ban hành
kèm theo kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

TỜ KHAI *ĐĂNG KÝ/SỬA ĐỔI/BỔ SUNG* DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Tên doanh nghiệp *(viết chữ in hoa):*.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:..... - Fax:.....
- Email (nếu có):.....
- Website (nếu có):.....
- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... do.... *cấp..... lần đầu ngày tháng..... năm..... cấp..... ngày..... tháng..... năm.....*
- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm... *(áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung).*

1. Đăng ký *danh mục/bổ sung, sửa đổi* danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

STT	TÊN KÊNH/BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/ TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH [12]	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP

[12] Doanh nghiệp không phải kê khai.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 05/DVTHTT ban hành
kèm theo kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

					(Số GP, ngày tháng năm cấp phép)[13]		
I	**Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia**						
1	**Ví dụ:** VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		Thời sự - chính trị tổng hợp	01/GP-BTTTT ngày 01/01/2011	SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
II	**Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương**						
2	**Ví dụ:** HTV9	Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh		Thời sự - chính trị tổng hợp		SD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
III	**Các kênh chương trình trong nước khác**						
3	**Ví dụ:** VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao - Giải trí		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp
IV	**Kênh chương trình nước ngoài**						
4	**Ví dụ:** ESPN	Đài Truyền hình Việt Nam		Thể thao		SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Ninh Bình, Phú Thọ,..

[13] Doanh nghiệp không phải kê khai.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 05/DVTHTT ban hành
kèm theo kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH CHƯƠNG TRÌNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH [14]	GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH HOẶC GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI (Số GP, ngày tháng năm cấp phép) [15]	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1							
...							

3. Tài liệu kèm theo:

(1) .....

(2) .....

4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (*tên doanh nghiệp*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

---

[14] Doanh nghiệp không phải kê khai.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[15] Doanh nghiệp không phải kê khai.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 05/DVTHTT ban hành
kèm theo kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên doanh nghiệp*) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 06/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-KENH-PTTH&TTĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20...*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

(Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....)
Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...
Cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHỨNG NHẬN:

Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- *Điện thoại:*..... - *Fax:*.....

- *Email (nếu có):*.....

- *Website (nếu có):*.....

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do... cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm... Cấp... ngày... tháng... năm...

- *Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ truyền hình trả tiền số..... do.... cấp ngày..... tháng..... năm..... (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục).*

1. Chứng nhận đăng ký *danh mục/bổ sung, sửa đổi* danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

Mẫu số 06/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

STT	TÊN KÊNH/BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I	**Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia**					
1						
II	**Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương**					
2						
III	**Các kênh chương trình trong nước khác**					
3						
IV	**Kênh chương trình nước ngoài**					
4						

2. Kênh chương trình thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	LOẠI KÊNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1						
2						
...						

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; thực hiện theo đúng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền chương trình truyền hình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mẫu số 06/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Việc cung cấp các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của hợp đồng/thỏa thuận bản quyền kênh chương trình.[23]

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số..... (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục)./.

Nơi nhận:
- Tổ chức được cấp chứng nhận;
- Lãnh đạo Bộ phụ trách (để b/c);
- Sở TTTT (phù hợp với phạm vi quản lý);
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng QLDV, Văn phòng;
- Lưu: VT, P. PTTH.

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng Giấy chứng nhận cụ thể.

[23] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 07/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố.....

1. Thông tin chung:

- Tên (*doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân) đăng ký thu/làm đầu mối thiết lập thiết bị thu* tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh/(*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- *Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.... do.... cấp ngày.... tháng... năm... (đối với doanh nghiệp/tổ chức)*

- *Thẻ thường trú số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... (đối với cá nhân*)

- *Văn bản thuê, mượn địa điểm (nếu có): (ghi rõ số văn bản, thời gian, thời hạn của hợp đồng).*

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do.... cấp.... ngày.... tháng... năm... *(chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh).*

- Giấy chứng nhận đăng ký *(thu tín hiệu/đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu)* truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh số..... do.... ngày..... tháng..... năm *(áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi/bổ sung).*

Mẫu số 07/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

2. Đăng ký dịch vụ: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

2.1. Đăng ký sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình để thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh ☐

2.2. Đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu kênh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh của doanh nghiệp ☐

2.3. Đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. ☐

3. Nội dung chi tiết:

3.1. Tên các kênh chương trình thu:

STT	Tên/biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/sở hữu kênh chương trình

3.2. Mục đích và phạm vi sử dụng:.....

3.3. Thiết bị sử dụng[1]:

[1] Đối tượng thuộc mục 2.2 không phải kê khai thông tin này. Đối tượng thuộc mục 2.3, trường hợp thu tín hiệu qua Internet: (1) không phải kê khai thông tin tại mục Anten, Đầu thu, Vệ tinh phát sóng; (2) kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình tại mục Thông số phát sóng.

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 07/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

- Anten: .....bộ

Ký, mã hiệu:.....

- Đầu thu: .....bộ

Ký, mã hiệu:.....

- Vệ tinh phát sóng.....

- Thông số phát sóng.....

3.4. Địa chỉ lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập thiết bị thu*) hoặc tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu (*áp dụng với trường hợp sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp*):.....

3.5. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh[2]:.....

3.6. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng[3]:.....

---

[2] Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[3] Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 07/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

(*Tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP HOẶC CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN BẢN KÈM THEO
- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập tổ chức...
- Bản sao Thẻ thường trú do... cấp
ngày... tháng.... năm..... (đối với cá nhân)
- Bản sao có chứng thực văn bản thuê, mượn địa điểm...

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 08/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

UBND TỈNH.... **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-TVRO	*....., ngày tháng năm 20....*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

(Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....)
Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...
Cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHỨNG NHẬN:

1. Tên (*doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân*) (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do... cấp... ngày... tháng... năm [(1)]

2. Được thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ về tinh, gồm:

Số TT	Tên/biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/sở hữu kênh chương trình

3. Mục đích và phạm vi sử dụng:.....

4. Địa điểm lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

Mẫu số 08/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

- Địa chỉ lắp đặt thiết bị thu tín hiệu để thu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh *(áp dụng với trường hợp tự thiết lập hệ thống thiết bị thu)*: .....

- Địa chỉ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu:.....

5. Thiết bị sử dụng: (2)

- Anten:..... bộ

Ký hiệu, mã hiệu:.....

- Đầu thu:..... bộ

Ký hiệu, mã hiệu:.....

- Vệ tinh phát sóng:.....

- Thông số phát sóng:.....

6. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:..... (1)

7. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng:..... (1)

8. Giấy chứng nhận đăng ký (*thu tín hiệu/đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu*) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực kể từ ngày ký *thay thế cho Giấy chứng nhận số.....*

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân được cấp chứng nhận;
- Cục PTTH & TTĐT;
- .....;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy Chứng nhận cụ thể.
- Các mục đánh dấu (1): Chỉ dành cho doanh nghiệp làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.
- Các mục đánh dấu (2): Không áp dụng cho các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh qua doanh nghiệp làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

Mẫu số 09/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /	
V/v báo cáo định kỳ 6 tháng.	*....., ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi:

- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- *Sở Thông tin và Truyền thông.....*

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:

- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Website:

- Tổng số nhân sự:

- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

- Số Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình:

- Số Giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông công cộng/Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định:

II. Thời kỳ báo cáo: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

Năm:.....

Mẫu số 09/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 01/01 - 30/6) □

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ 01/01 - 31/12) □

III. Nội dung báo cáo:

1. Doanh thu, sản lượng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (*nếu có*)	Ghi chú
1	Tổng nguồn vốn			
2	Tổng vốn chủ sở hữu			
3	Tổng doanh thu			
4	Doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền (*kê khai đối với từng loại dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước			

2. Số lượng thuê bao theo từng loại hình dịch vụ:

Đơn vị tính: Thuê bao

STT	Tên tỉnh, thành phố	Số thuê bao truyền hình trả tiền trên địa bàn cung cấp						
		Truyền hình			Truyền hình mặt đất kỹ thuật số	Truyền hình qua vệ tinh	Truyền hình di động	Phát thanh, truyền hình trên mạng Internet/OTT
		Cáp tương tự	Cáp kỹ thuật số	Cáp giao thức Internet (IPTV)				
1	TP Hà Nội							
2	Hà Giang							
...	...							

Mẫu số 09/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

63	Cà Mau							
Tổng số								
Tổng số thuê bao của doanh nghiệp								
Tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước								

3. Công nghệ kỹ thuật: (*)

STT	Tên chỉ tiêu	Nội dung báo cáo	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng		Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng với từng loại hình dịch vụ (*trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)
2	Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ đang áp dụng		Nêu tên, số hiệu các văn bản do cấp thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành. (*trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)

Ghi chú: (*) chỉ cung cấp thông tin trong báo cáo định kỳ 12 tháng.

4. Nội dung thông tin trên dịch vụ:

4.1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu *(đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)*

- Cung cấp đủ theo quy định: ☐

- Cung cấp không đủ theo quy định: ☐

Lý do:.....

4.2. Kênh chương trình cài đặt biểu tượng dịch vụ:

- Kênh.....

Mẫu số 09/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

- Kênh.....

- .....

4.3. Gói kênh, giá cước:

STT	Gói kênh	Tên gói kênh	Giá gói cước	Thông tin về kênh chương trình phát thanh, truyền hình	
				Các loại kênh chương trình	Số lượng
1	**Gói cơ bản**			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
2	**Gói nâng cao 1 (nếu có)**			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	Gói nâng cao 2 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	Gói nâng cao 3 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	...				

4.4. Dịch vụ theo yêu cầu/dịch vụ giá trị giá tăng: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Cung cấp dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐

5. Cung cấp dịch vụ thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh: (*nếu có*)

STT	Tên địa bàn tỉnh, thành phố	Số Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp	Số khách hàng sử dụng dịch vụ		Danh sách kênh truyền hình nước ngoài đang cung cấp
			Tổ chức	Cá nhân	
1	TP Hà Nội				

Mẫu số 09/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

STT	Tên địa bàn tỉnh, thành phố	Số Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp	Số khách hàng sử dụng dịch vụ		Danh sách kênh truyền hình nước ngoài đang cung cấp
			Tổ chức	Cá nhân	
2	Hà Giang				
...					
63	Cà Mau				
Tổng số					

6. Các thông tin khác:

STT	Nội dung		Số liệu
1	Đánh giá việc thực hiện cam kết theo Giấy phép được cấp (nếu có)		
2 (*)	Các biến động trong hoạt động của doanh nghiệp	Thông tin về hoạt động mua/bán/sát nhập): Tên doanh nghiệp, tỷ lệ/cơ cấu vốn sở hữu vốn,...	
		Khác:....	
3	Kiến nghị, đề xuất (nếu có)		

Ghi chú:

- (*): Báo cáo khi có biến động mới

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Doanh nghiệp báo cáo định kỳ với các Sở Thông tin và Truyền thông các số liệu phù hợp với địa bàn quản lý của Sở.

Mẫu số 09A/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v báo cáo định kỳ số liệu nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	*....., ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN[24]

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:
- Số Giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông công cộng/Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng cung cấp dịch vụ (nếu có):

II. Thời kỳ báo cáo: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 06 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ ngày 06/12 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 05/6 của năm báo cáo) □
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 25/11 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 24/11 của năm báo cáo) □

---

[24] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 09A/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

III. Nội dung báo cáo:

1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu đối với dịch vụ có cung cấp kênh chương trình *(đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)*

- Cung cấp đủ theo quy định: ☐

- Cung cấp không đủ theo quy định: ☐

Lý do:.....

- Tỷ lệ người xem kênh thiết yếu *(đối với dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet)*:

STT	Tên kênh	Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo
1	VTV 1			
2	VTC 1			
3	ANTV			
4	QPVN			
5	QHVN			
6	Vnews			
7	Nhân dân			

2. Dịch vụ theo yêu cầu/dịch vụ giá trị giá tăng: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Nội dung dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/phần)		Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)	
		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
	1	2		3	
1	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội.				

Mẫu số 09A/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/phần)		Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)	
		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
	1	2		3	
2	Phim (*).				
3	Chương trình thể thao, giải trí.				

Ghi chú: (*) doanh nghiệp cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.

+ Giá gói cước dịch vụ theo yêu cầu: *(liệt kê đầy đủ thông tin về tên các gói cước, giá các gói cước nội dung theo yêu cầu):....*

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: /
V/v báo cáo nhanh theo tháng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO NHANH THEO THÁNG HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:

II. Thời gian báo cáo:

Tháng...../.....

III. Nội dung báo cáo:

STT	Tên chỉ tiêu	Số liệu tháng báo cáo (Thuê bao)	Số thuê bao mới trong tháng	% so với kế hoạch năm (Thuê bao)	% so với cùng kỳ năm trước (Thuê bao)
	1	2	3	4	5
1	Tổng số thuê bao truyền hình trả tiền hiện có				
2	Tổng số thuê bao truyền hình trả tiền theo từng loại dịch vụ (*điền thông tin nếu có nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)				

Mẫu số 10/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

STT	Tên chỉ tiêu	Số liệu tháng báo cáo (Thuê bao)	Số thuê bao mới trong tháng	% so với kế hoạch năm (Thuê bao)	% so với cùng kỳ năm trước (Thuê bao)
	1	2	3	4	5
2.1	Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số				
2.2	Dịch vụ truyền hình cáp (tương tự, số, IPTV)				
2.3	Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh				
2.4	Dịch vụ truyền hình di động				
2.5	Dịch vụ PTTH trên mạng Internet				
...	....				

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10A/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v báo cáo nhanh theo tháng	*....., ngày tháng năm 20..*

BÁO CÁO NHANH THEO THÁNG HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN[25]

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:

II. Thời gian báo cáo:

Tháng...../20..... (số liệu báo cáo tháng tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng báo cáo).

III. Nội dung báo cáo:

- Về tỷ lệ người xem kênh thiết yếu quốc gia trên dịch vụ *(đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet)*:

[25] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 10A/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

STT	Tên kênh	Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo (*)	Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo (**)
1	VTV 1			
2	VTC 1			
3	ANTV			
4	QPVN			
5	QHVN			
6	Vnews			
7	Nhân dân			

- Về số liệu nội dung theo yêu cầu *(đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet)*:

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình mới trong tháng (tập/phần)	Tổng thời lượng chương trình mới trong tháng (phút)	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/phần)	Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)
	1	**2**	**3**	**4**	**5**
1	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội.				
2	Phim (*).				
3	Chương trình thể thao, giải trí.				

Ghi chú: (*) doanh nghiệp cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10B/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

LẬP HỒ SƠ THEO DÕI NỘI DUNG
TRÊN DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU, DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ QUẢNG CÁO[26]

I. Lập hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu

1. Đối với nhóm nội dung: Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội (chương trình).

STT	Tên chương trình	Số lượng chương trình (tập/phần)	Tổng thời lượng chương trình (phút)	Thời điểm bắt đầu cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Tên cơ quan báo chí sản xuất
	1	2	3	4	5	6
1						
2						
...						

[26] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 10B/DVTHTT ban hành kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023

2. Đối với nhóm nội dung: Phim.

STT	Tên phim	Nguồn phim (tích X vào ô phù hợp)		Số quyết định Hội đồng phân loại	Kết quả phân loại	Số lượng tập phim (tập)	Tổng thời lượng phim (phút)	Thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ (tích X vào ô phù hợp)		Thời điểm bắt đầu cung cấp trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)
		Việt Nam	Nước ngoài					Có	Không		
	1	2		3	4	5	6	7		8	9
1											
2											
...											

3. Đối với nhóm nội dung: Chương trình thể thao, giải trí (chương trình).

STT	Tên chương trình	Nguồn chương trình (tích X vào ô phù hợp)		Thực hiện biên tập, phân loại (tích X vào ô phù hợp)		Kết quả phân loại	Số lượng chương trình (tập/phần)	Tổng thời lượng chương trình (phút)	Thời điểm bắt đầu cung cấp trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)
		Việt Nam	Nước ngoài	Tự làm	Thuê dịch vụ					
	1	2		3		4	5	6	7	8
1										
2										
...										

Mẫu số 10B/DVTHTT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

II. Lập hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng/quảng cáo (GTGT/QC)

STT	Tên dịch vụ GTGT/QC	Tên chương trình có dịch vụ GTGT/QC	Thời lượng dịch vụ GTGT/QC	Thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ GTGT/QC trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Thời điểm dừng cung cấp dịch vụ GTGT/QC trên dịch vụ (ngày/tháng/năm)	Đơn vị sản xuất nội dung GTGT/QC	Thực hiện biên tập/phân loại (tích X vào ô phù hợp)	
							Có	Không
	1	2	3	4	5	6	7	
1								
2								
...								

Mẫu số 11/DVTHQB ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: /
V/v báo cáo định kỳ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH QUẢNG BÁ

Kính gửi:
- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- *Sở Thông tin và Truyền thông....*

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Tổng số nhân sự:
- Giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông công cộng/Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định:

II. Thời gian báo cáo: *(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)*

Năm:.....

Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Từ 01/01 - 30/6) □

Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Từ 01/01 - 31/12) □

III. Nội dung báo cáo:

1. Doanh thu, sản lượng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (*nếu có*)	Ghi chú
1	Tổng nguồn vốn			
2	Tổng vốn chủ sở hữu			

Mẫu số 11/DVTHQB ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (*nếu có*)	Ghi chú
3	Tổng doanh thu			
4	Doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền (*kê khai đối với từng loại dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước			

2. Thông tin về dịch vụ:

Thời điểm bắt đầu triển khai cung cấp dịch vụ:

Biểu tượng dịch vụ:

Kênh chương trình cài đặt biểu tượng dịch vụ:

Phạm vi cung cấp dịch vụ:

3. Loại hình công nghệ cung cấp dịch vụ: *(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)*

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

4. Nội dung kênh chương trình trên dịch vụ:

STT	Danh mục các kênh chương trình trên dịch vụ	Thông tin về số, ngày, tháng của văn bản thỏa thuận tiếp nhận tín hiệu kênh chương trình hoặc thỏa thuận bản quyền nội dung kênh chương trình
1		
2		
3		
4		
...	....	

Mẫu số 11/DVTHQB ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

5. Công nghệ kỹ thuật: (*)

STT	Tên chỉ tiêu	Nội dung báo cáo	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng		Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng với từng loại hình dịch vụ (*trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)
2	Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ đang áp dụng		Nêu tên, số hiệu các văn bản do cấp thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành. (*trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ*)

Ghi chú: (*) chỉ cung cấp thông tin trong báo cáo định kỳ 12 tháng.

6. Kiến nghị, đề xuất: (nếu có)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Doanh nghiệp báo cáo định kỳ với các Sở Thông tin và Truyền thông các số liệu phù hợp với địa bàn quản lý của Sở.

Mẫu số 12/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình (viết chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

- Email (nếu có):.....

- Website (nếu có):.....

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình số..... do.... cấp ngày..... tháng..... năm.*

- *Số Giấy phép sản xuất kênh chương trình (phát thanh/truyền hình) trong nước.... do..... cấp lần..... ngày..... tháng..... năm.... (áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

2. Đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình trong nước (*ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):*.....

2.1. Tên kênh chương trình:.....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:.....

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:.....

2.5. Đối tượng phục vụ:.....

2.6. Thời gian phát sóng *(từ..... giờ đến..... giờ):*.....

2.7. Thời lượng phát sóng *(Số giờ/ngày):*.....

Mẫu số 12/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):.....

- Phát lại:.....

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:.....

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (*Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp*)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác").....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (*Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp*)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(*Tên cơ quan báo chí*) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

Mẫu số 12/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình *(áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):*

3.1. Tên đối tác liên kết:.....

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại:..... - Fax:.....

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:..... Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Chức danh:.....

Địa chỉ liên lạc:..... Số điện thoại:.....

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	**Tổng số nhân sự**	**Nam**	**Nữ**	**Trình độ chuyên môn**		**Trình độ chính trị**			**Ngoại ngữ**	
				Trên Đại học	**Đại học**	**Sơ cấp**	**Trung cấp**	**Cao cấp**	**Đại học**	**Chứng chỉ**

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):.....

3.7. Hình thức liên kết:.....

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:.....

Mẫu số 12/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình: .....

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: *(Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp)*

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

..... *(Ghi rõ trong trường hợp thuộc điền "khác")*.....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:.....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:.....

+ Năm 1:.....

+ Năm 2:.....

10. Các nội dung khác *(nếu có)*

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:.....

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):*.....

Mẫu số 12/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

12. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

13. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/truyền hình trong nước, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản *(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)* *(Ký tên đóng dấu)*	**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình** *(Ký tên, đóng dấu)*

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 13/SXCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-BTTTT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20..*

GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

(Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm...)
Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...
Cấp..... ngày..... tháng..... năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/truyền hình trong nước số... do..... cấp ngày..... tháng.... năm (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/truyền hình trong nước số.... do.... cấp ngày.... tháng..... năm..... và hồ sơ bổ sung số... ngày..... tháng.... năm..... của (tên cơ quan báo chí);

Mẫu số 13/SXCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,[27]

CẤP PHÉP CHO:
Tên cơ quan báo chí hoạt động
phát thanh/truyền hình (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:..... - Fax:.....
- Email (nếu có):.....
- Website (nếu có):.....
- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* số..... do..... *cấp..... ngày..... tháng..... năm.....*

Được sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (*Phát thanh hoặc Truyền hình*)

1.1. Tên kênh chương trình:.....

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:.....

1.4. Ngôn ngữ thể hiện:.....

1.5. Đối tượng phục vụ:.....

1.6. Thời gian phát sóng *(từ..... giờ đến..... giờ):*.....

1.7. Thời lượng phát sóng *(.... giờ/ngày)*:.....

1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):.....
- Phát lại:.....

---

[27] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 13/SXCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày: .....

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:.....

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:.....

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình: .....

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

Mẫu số 13/SXCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:.....

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:.....

6.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):.....*

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí.....

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... (hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp, nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình của đơn vị được cấp phép).

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép./.

Nơi nhận:
- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);
- .....;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

Mẫu số 14/BTCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày tháng năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình (*viết chữ in hoa*):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- *Điện thoại:*..... - *Fax:*.....

- *Email (nếu có):*.....

- *Website (nếu có):*.....

- Số *Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình* do..... cấp ngày.....;

- *Số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền..... do..... cấp lần..... ngày..... tháng..... năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

2. Đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Tên kênh chương trình:.....

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (*bao gồm cả tên viết tắt*):.....
.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:.....

Mẫu số 14/BTCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						

2.6. Loại kênh chương trình *(Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Tổng hợp/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...)*:.....

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:.....

2.8. Thời gian phát sóng/ngày:.....

2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:.....

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ nếu điền "khác").....

(*Cơ quan báo chí*) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

3. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền *(áp dụng với kênh chương trình phân phối qua đại lý ủy quyền tại Việt Nam)*:

3.1. Tên đại lý:.....

3.2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3.3. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền..... do.... cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

Mẫu số 14/BTCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

4. Năng lực của cơ quan báo chí đề nghị cấp phép bảo đảm yêu cầu về biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:

4.1. Nhân sự (*yêu cầu kê khai rõ về số lượng nhân sự, trình độ chuyên môn báo chí, số thẻ nhà báo còn hiệu lực, trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép):*.....

Tổng số nhân sự	**Nam**	**Nữ**	**Trình độ chuyên môn báo chí**		**Số thẻ nhà báo**	**Trình độ ngoại ngữ** (*phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép)*
			Trên đại học	**Đại học**		

4.2. Năng lực về kỹ thuật (*yêu cầu kê khai rõ về hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình*):.....

4.3. Năng lực tài chính *(nêu rõ dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong vòng 01 năm, tổng vốn đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiết bị, chi phí bản quyền, và các khoản chi khác (nếu có)):*.....

4.4. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập:.....

5. **Quy trình biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:**.....

.....

6. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:

6.1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình:.....

6.2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh:.....

7. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài *(phải là lãnh đạo cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình)*:...

.....

Mẫu số 14/BTCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

8. Tài liệu kèm theo:

(1) .....

(2) .....

9. Cam kết:

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình) cam kết:

9.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

9.2. Nếu được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

Xác nhận của cơ quan chủ quản *(Đối với các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành)* *(Ký tên đóng dấu)*	**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình đề nghị cấp phép** *(Ký tên, đóng dấu)*

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 15/BTCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-BTTTT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20..*

GIẤY PHÉP
BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

(Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm....)
Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...
Cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do.....cấp ngày.....tháng....năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số..... do... cấp ngày.... tháng..... năm...../hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung số...ngày.....tháng.... năm..... của (tên cơ quan báo chí);

Mẫu số 15/BTCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,[28]

CẤP PHÉP CHO:
Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình
được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài
(viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- *Điện thoại:*..... - *Fax:*.....

- *Email (nếu có):*.....

- *Website (nếu có):*.....

- Số Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình*: *Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm...; Cấp..... ngày..... tháng..... năm.....*

Được thực hiện biên tập kênh chương trình nước ngoài theo các quy định sau:

Điều 1. Quy định về kênh chương trình:

1. Tên kênh chương trình:.....

2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình nước ngoài (*bao gồm cả tên viết tắt*):.....

4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình nước ngoài:.....

---

[28] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 15/BTCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						

6. Loại kênh chương trình *(Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Tổng hợp/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...)*:.....

7. Ngôn ngữ thể hiện:.....

8. Thời gian phát sóng/ngày:.....

9. Thời lượng phát sóng/ngày:.....

10. Độ phân giải hình ảnh:.....

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh khác nhau.

Điều 2. Quy định về biên tập, biên dịch:

1. Nội dung biên tập, biên dịch:

1.1. Biên tập:.....

1.2. Biên dịch:.....

2. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập:.....

Điều 3. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:

1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình:.....

2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh:.....

Điều 4. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:.....

Điều 5. Các quy định khác: *Cơ quan báo chí*.....

Mẫu số 15/BTCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm.... (hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp, nhưng không quá thời hạn ghi trong Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình cấp cho (tên cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài).

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép..... (áp dụng đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, quảng cáo, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép./.

Nơi nhận:
- Tổ chức được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);
- .....;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể

Mẫu số 16/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v báo cáo định kỳ hoạt động liêt kết sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình.	*....., ngày tháng năm 20.....*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT
SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, KÊNH CHƯƠNG TRÌNH

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email (nếu có):.....
- Website (nếu có):.....
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:

Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần.... ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần.... ngày.... tháng.... năm....

Mẫu số 16/SXCT ban hành
kèm theo TT số 19/2016/TT-BTTTT
ngày 30/6/2016

2. Báo cáo kênh chương trình liên kết

STT	Kênh chương trình liên kết	Thời gian phát sóng của kênh chương trình liên kết	Thời điểm bắt đầu thực hiện hoạt động liên kết *(ghi cụ thể ngày, tháng, năm)*	Thời lượng liên kết trên kênh	Hình thức liên kết	Thời hạn liên kết	Thông tin về đối tác liên kết	
							Tên đối tác	Địa chỉ
1	- Tên kênh chương trình: - Tôn chỉ, mục đích kênh			Theo thời lượng của kênh chương trình VD: 24h/ngày; 18h/ngày	Liên kết cả kênh			

3. Báo cáo chương trình liên kết

STT	Chương trình liên kết	Định dạng chương trình	Thời điểm phát sóng *(ghi cụ thể ngày, tháng, năm)*	Thời gian phát sóng	Thời lượng phát sóng	Tỷ lệ % trong tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 trong/ngày	Kênh phát sóng chương trình liên kết	Hình thức liên kết	Thời hạn liên kết	Thông tin về đối tác liên kết	
										Tên đối tác	Địa chỉ
1	- Tên chương trình: - Nội dung	Ví dụ: Tọa đàm/truyền hình trực tiếp/ phóng sự...					**Ví dụ: VTV3**				

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
- .....;
- Lưu:

Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 16A/SXCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Số: /
V/v báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, BIÊN TẬP, BIÊN DỊCH NỘI DUNG THEO YÊU CẦU[29]

(Dành cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động này)

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email (nếu có):.....
- Website (nếu có):.....
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:

Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....

[29] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 16A/SXCT ban hành
kèm theo TT số 05/2023/TT-BTTTT
ngày 30/6/2023

Cấp sửa đổi, bổ sung lần.... ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần.... ngày.... tháng.... năm....

2. Thời kỳ báo cáo: (*Đánh dấu ☑ vào ô trống phù hợp*)

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 06 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ ngày 06/12 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 05/6 của năm báo cáo) □

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 25/11 của năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 24/11 của năm báo cáo) □

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan QLNN □

3. Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

STT	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (AOD, VOD)	Nhóm nội dung thực hiện	Số lượng chương trình				Tổng thời lượng chương trình *(đơn vị: phút)*			
			Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài		Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài	
			Sản xuất	Biên tập	Biên dịch *(nếu có)*	Biên tập	Sản xuất	Biên tập	Biên dịch *(nếu có)*	Biên tập
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ AOD,VOD	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội								
		Phim								
		Chương trình thể thao, giải trí								

Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
- .....;
- Lưu:

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng